

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2020/HNGĐ- ST**

Ngày: 18 - 8 - 2020

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị N;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quang Lực và bà Nguyễn Thị Lan;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thảo Thị Thu Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Hải, là Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Cà Thị N** - sinh năm 1992; địa chỉ: Bản N, xã C, huyện T, tỉnh B - Xin vắng mặt;

Bị đơn: Ông **Lò Văn O** - sinh năm 1988; địa chỉ: Bản H, xã N, thành phố Đ, tỉnh B (Hiện đang chấp hành án hình sự tại Phân trại số 01, Trại giam Yên Hạ, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La) - Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Cà Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà N và ông O tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2010 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông O nghiện ma túy, bỏ bê gia đình, lấy tài sản gia đình đem bán, không quan tâm gì đến vợ con; cuộc sống gia đình không yên ổn, hạnh phúc. Hiện ông O đang phải chấp hành án phạt tù về tội phạm liên quan đến ma túy. Thực tế vợ chồng đã thỏa thuận ly hôn và mỗi người có cuộc sống độc lập từ 07 năm nay, không còn liên quan đến nhau, nhưng chưa có quyết định ly hôn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, bà N xin được ly hôn với ông O.

- *Về con:* Bà N và ông O có hai con chung là Lò Bách Q, sinh ngày 18/4/2011 và Cà Thị Ng, sinh ngày 21/4/2013. Nếu ly hôn bà N có nguyện vọng nuôi cháu Sang; cháu Q để cho ông O nuôi, nhưng vì ông O đang trong trại cải tạo, bà N sẽ

nuôi cả hai cháu, khi ông O ra trại bà N sẽ giao cháu Q cho ông O trực tiếp nuôi; bà N không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ:* Không có.

2. Tại bản tự khai ngày 13/7/2020, bị đơn ông Lò Văn O trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông O và bà N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2010 tại UBND xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 12/2012 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông O nghiện ma túy, bỏ bê không quan tâm đến vợ con và gia đình. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đến nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, ông O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho hai vợ chồng.

- *Về con:* Ông O và bà N có hai con chung là Lò Bách Quý sinh ngày 18/4/2011 và Cà Thị Ng sinh ngày 21/4/2013. Nếu ly hôn ông O có nguyện vọng nuôi cháu Q; cháu Sang để cho bà N nuôi. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ:* Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cà Thị N đối với ông Lò Văn O theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; giao hai con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Cà Thị N là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn án phí theo điều luật tương ứng quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 18/6/2020, bà Cà Thị N nộp đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với ông Lò Văn O. Kèm theo đơn, bà N có đơn đề nghị miễn án phí Tòa án với lý do: Là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đơn có xác nhận của UBND xã C, huyện T, tỉnh B. Ngày 19/6/2020 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà N theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây ghi tắt là BLTTDS).

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lò Văn O có địa chỉ cư trú tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; yêu cầu Ly hôn của bà N đối với ông O thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Cà Thị N - sinh năm 1992 và ông Lò Văn O - sinh năm 1988 tự nguyện kết hôn vào ngày 26/02/2010; có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khi kết hôn bà N đã bước sang tuổi 18, ông O đã hơn 20 tuổi; đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ở thời điểm kết hôn), nên cuộc hôn nhân giữa bà N và ông O là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn bà N và ông O chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu và đã có hai con chung. Tuy nhiên sau này do ông O nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con và gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Bà N xin ly hôn, ông O đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa bà N và ông O không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông O theo quy định tại Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con: Bà N và ông O có hai con chung là Lò Bách Q - sinh ngày 18/4/2011 và Cà Thị Ng - sinh ngày 21/4/2013. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng nuôi cháu Ng; ông O có nguyện vọng nuôi cháu Q; không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng về con chung của bà N và ông O là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của con chung; tuy nhiên hiện ông O đang chấp hành án phạt tù, không thể trực tiếp nuôi con, nên hiện cần giao cả hai con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ông O chấp hành án xong hình phạt tù, nếu có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết sau. Không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung vì không có yêu cầu.

Về tài sản và nợ: Không có yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N là người dân tộc thiểu số, ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn án phí Tòa án, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn của bà Cà Thị N; cho ly hôn giữa bà Cà Thị N và ông Lò Văn O.

2. Về con: Giao các con chung là Lò Bách Q sinh ngày 18/4/2011 và Cà Thị Ng sinh ngày 21/4/2013 cho bà Cà Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Cà Thị N.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh B (Nơi đăng ký kết hôn);
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị N

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa

Vũ Thị N

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 20 phút, ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị N;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quang Lực và bà Nguyễn Thị Lan;

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 117/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Cà Thị N** - sinh năm 1992; địa chỉ: Bản Nôm, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;

Bị đơn: Ông **Lò Văn O** - sinh năm 1988; địa chỉ: Bản Hồng Lúru 1, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Hiện đang chấp hành án hình sự tại Phân trại số 01, Trại giam Yên Hạ, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật có liên quan;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn của bà Cà Thị N; cho ly hôn giữa bà Cà Thị N và ông Lò Văn O.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

2. Về con: Giao các con chung là Lò Bách Quý, sinh ngày 18/4/2011 và Cà Thị Ngọc Sang, sinh ngày 21/4/2013 cho bà Cà Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Cà Thị N.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

Việc nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 35 phút, ngày 18 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị N